

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 869/2020/DS-PT

Ngày: 15/9/2020

V/v Tranh chấp chia tài sản chung
là quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Quy

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Việt Hồng

2. Ông Trịnh Đức Phú

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Hoàng H Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 165/2020/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4120/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9563/2020/QĐ-PT ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số F5A73 ấp X, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị T, sinh năm 1949 (có mặt)

Địa chỉ: Số F5A73 ấp X, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1937 (có mặt)

Địa chỉ: Số E13/67 ấp 5 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị B, sinh năm 1949 (có mặt)

Địa chỉ: Số F12/75 ấp X, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1949 (có mặt)

Địa chỉ: Số F5A73 ấp X, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Trần Thị L (vắng mặt)

Địa chỉ: Số E13/62 tổ 84 ấp 5, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Đặng Thi E (vắng mặt)

Địa chỉ: Số E26/62 ấp 5, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Trần Văn Y, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 104 ấp 5 xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Trần Thị S (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Trần Ngọc A (vắng mặt)

Địa chỉ: Xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Trần Văn H (vắng mặt)

9. Bà Trần Thị Bạch T (vắng mặt)

10. Ông Trần Hoàng H (vắng mặt)

11. Ông Trần Hữu N (vắng mặt)

12. Bà Trần Thanh I (vắng mặt)

13. Bà Trần Thị P (vắng mặt)

14. Bà Trần Thị K (vắng mặt)

Ông H, bà T, ông H, ông N, bà I, bà T, bà H cùng địa chỉ: E26/2 ấp 5, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2016, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là ông Trần Minh H có bà Trần Thị T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên phần đất tranh chấp thuộc thửa số 578, 591, 579 tờ bản đồ số 4, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh được cấp cho hộ bà Võ Thị M (bà M chết năm 1997). Bà M gồm có 5 người con:

1. Trần Văn L (đã chết). Vợ ông L tên bà Đặng Thị E , có 04 người con
2. Trần Văn D (đã chết). Vợ ông D tên Trần Thị B, có 7 người con.
3. Trần Văn M
4. Trần Thị B
5. Trần Thị T.

Vào thời điểm cấp giấy hộ bà M gồm có 02 thành viên là bà Võ Thị M và ông Trần Minh H. Trong quá trình sử dụng đất thì ông Trần Văn M tự ý kê khai, đăng ký và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với toàn bộ diện tích đất mà không xem xét đến ý kiến của bà M và ông H. Sau đó ông M được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn M. Vụ việc trên đã được giải quyết bằng bản án hành chính phúc thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là hủy quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Văn M. Đến ngày 19/4/2007, Ủy ban nhân dân huyện B đã ra quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Văn M. Sau đó ông H tiến hành chia ranh đất thì ông Trần Văn M không đồng ý vì ông cho rằng đất cha mẹ để lại cho ông nên ông không đồng ý chia ông H.

Từ năm 1975 đến năm 1994 thì bà M vẫn sống chung với bà T và ông H. Từ năm đến năm 1994 ông M đuổi bà T và ông H đi, thì bà M sống một mình. Khi đó bà T phát hiện ông M tự ý kê khai làm giấy tờ nhà đất đứng tên ông M

Nay bà T đại diện hợp pháp cho ông H yêu cầu ông M phải chia lại phần đất mà ông H có tên trong thành viên hộ bà M có diện tích 2.568m² thuộc thửa số 578, 591, 579 tờ bản đồ số 4, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Trần Văn M trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà T về tình trạng nhân thân và các thừa kế của bà Võ Thị M.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh H yêu cầu ông chia phần diện tích 2.500m² thuộc thửa số 578, 580, 579 tờ bản đồ số 4, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông không đồng ý. Nguyên phần đất này do ông Trần Văn D và ông Trần Văn L quản lý sử dụng, sau đó tôi quản lý từ năm 1990 cho đến nay. Ông H chỉ nhập vào hộ khẩu bà M chứ ông H không có công sức đóng góp trong việc quản lý, cải tạo đất.

Từ năm 1975 đến năm 1994 thì bà M sống với ông Trần Văn L. Từ năm 1994 đến năm 1997 thì ông M về sống chung với bà M, chăm lo cho bà M. Hiện đất này vẫn và đất lúa, ông là người trực tiếp sử dụng đất, vẫn đăng ký, đóng thuế đầy đủ.

Phần đất tranh chấp tại thời điểm vào tập đoàn năm 1978, đến năm 1980 tập đoàn tan rã thì tuổi ông Trần Minh H còn rất nhỏ, không có công sức đóng góp cải tạo, quản lý phần đất trên.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Y trình bày: Ông là con của Trần Văn L, việc trước đây các ông Trần Minh H và ông Trần Văn M sử dụng quản lý phần đất tranh chấp như thế nào thì ông không biết rõ. Ông không có ý kiến gì về việc tranh chấp giữa ông Trần Minh H và ông Trần Văn M.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị B trình bày: trước năm 1975 thời chiến tranh 03 người anh là ông Trần Văn Dấu, Trần Văn L, Trần Văn M trốn quân dịch. Sau năm 1975 ông Trần Văn L về dọn gò cũ cất nhà và có xin phép chính quyền địa phương năm 1976. Bà Võ Thị M và ông Trần Văn L cùng sống chung trên gò đất trên. Sau đó do ông L có gia đình nên gọi ông Trần Văn M về sống với bà M và giao toàn bộ nhà và đất trên cho ông M quản lý. Ông M sống với bà M từ năm 1990 cho đến năm 1997 thì bà M chết. Lúc phần đất trên vào tập đoàn và rã tập đoàn thì ông H mới có 03 tuổi. Bà B yêu cầu xem xét đến yêu cầu của ông Trần Văn M.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị L, bà Đặng Thị E, bà Trần Thị S, bà Trần Ngọc A, ông Trần Văn H, bà Trần Thị Bạch T, ông Trần Hoàng H, ông Trần Hữu N, bà Trần Thanh I, bà Trần Thị P, bà Trần Thị K xin vắng mặt trong tất cả các lần hòa giải xét xử

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2020/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B - Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh H đối với ông Trần Văn M về việc tranh chấp chia quyền sử dụng đất là tài sản chung trong hộ gia đình.

Buộc ông Trần Văn M phải giao cho ông Trần Minh H phần đất có diện tích 2.568m² thuộc thửa số 578, 580, 579 tờ bản đồ số 4, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vị trí khu đất được thể hiện là phần đất giáp ranh với các thửa 571, 593, 592, 591 (vị trí số 1 và 1 phần số 2 trên Bảng ghi chú phân loại diện tích) của Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH đo đạc - thiết kế xây dựng - dịch vụ bất động sản H đo đạc ngày 18/11/2017.

Các tranh chấp về thừa kế của bà Võ Thị M nếu có phát sinh thì nộp đơn khởi kiện ở vụ án khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật quy định.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, ông Trần Văn M, bà Trần Thị B có đơn kháng cáo đối với Bản án số 165/2020/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B - Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Minh H có bà Trần Thị T đại diện theo ủy quyền thay đổi yêu cầu, xác định chỉ yêu cầu được chia 2.000m² đất theo vị trí số 1 trên Bảng ghi chú phân loại diện tích của Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH đo đạc - thiết kế xây dựng - dịch vụ bất động sản H đo đạc ngày 18/11/2017.

Bị đơn ông Trần Văn M không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B cũng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Các bên thống nhất không tranh chấp phần mộ trên đất, mộ này là mộ của cha mẹ, anh chị ông M, bà B, bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 165/2020/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B - Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 29 tháng 5 năm 2020, ông Trần Văn M, bà Trần Thị B kháng cáo trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Trần Văn M, bà Trần Thị B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguồn gốc phần diện tích 5.398,3m² thuộc thửa số 578, 580, 579 tờ bản đồ số 4, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là của hộ bà Võ Thị M đăng ký kê khai. Vào năm 1977 – 1978 thì phần đất tranh chấp trên vào tập đoàn sản xuất, sau 01 năm thì tập đoàn tan rã và cấp lại quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cùng thời điểm này thì bà T tách hộ khẩu và trong hộ khẩu gia đình chỉ còn 02 thành viên là bà Võ Thị M và ông Trần Minh H.

Từ năm 1975 đến năm 1997 thì bà M, bà T và ông H là người trực tiếp quản lý sử dụng phần đất trên. Từ năm 1997, thì ông Trần Văn M là người trực tiếp quản lý sử dụng do bà M mất thì ông M mới quay về, ông M tự ý cắt hộ khẩu của ông H và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đang tranh chấp trên.

[2.2] Theo Bản án hành chính phúc thẩm số 05/2006/HCPT ngày 28/02/2006 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã nhận định: “Thời điểm tập đoàn khoán đất cho hộ bà M theo bình quân nhân khẩu lúc đó hộ bà M gồm có 02 nhân khẩu là bà M và ông H, Ủy ban nhân dân huyện B cho rằng lúc đó ông H còn nhỏ, không có công sức trong việc tạo lập và cũng không có quá trình sử dụng đất nên không đủ điều kiện cấp quyền sử dụng đất. Xét thấy thời điểm năm 1996 ông H đã 24 tuổi đủ điều kiện lao động để được cấp quyền sử dụng đất, và lại nguồn gốc đất là của tập đoàn khoán lại cho hộ bà M theo bình quân nhân khẩu, nếu thời điểm đó không có tên ông H trong hộ khẩu bà M thì chắc chắn phần đất khoán cho hộ bà M sẽ có diện tích ít hơn diện tích bà M được khoán hiện tại, do vậy việc không cấp quyền sử dụng đất cho ông H trên thửa đất bà M kê khai đăng ký là ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi chính đáng của ông H”. Ngoài ra, Bản án cũng nhận định việc ông H bị xóa hộ khẩu trong hộ bà M vào năm 1994 đến ngày 22/3/1995, ông H nhập hộ khẩu vào lại là do lỗi cơ quan chức năng địa phương, thực tế ông H vẫn cư ngụ tại địa phương. Ông M khẳng định năm 1990 ông thỉnh thoảng về nhà bà M, đến năm 1994 mới về ở hẳn với bà M là phù hợp với các biên lai thu thuế nông nghiệp xác nhận ông M chỉ nộp thuế từ năm 1995 trở đi. Do đó, ông M trực tiếp sử dụng phần đất của bà M từ năm 1990 là không chính xác. Do đó Bản án hành chính số 05/2006/HCPT ngày 28/02/2006 đã hủy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông M.

Như vậy, căn cứ vào Bản án hành chính số 05/2006/HCPT ngày 28/02/2006 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định phần đất tranh chấp diện tích 5.137m² (diện tích thực tế 5.398,3m² theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Đo đạc - Thiết kế xây dựng - Dịch vụ bất động sản H lập ngày 14/4/2017) thuộc thửa số 578, 579, 580, 581, 582 tờ số 4 (tài liệu 02/CT-UB) tọa lạc tại xã H, huyện B, Thành phố HCM là phần đất cấp cho hộ bà Võ Thị M.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên việc phân chia cho ông H phần đất được cấp theo nhân khẩu có diện tích 2.568m² thuộc thửa số 578, 580, 579 tờ bản đồ số 4, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, vị trí khu đất được thể hiện là phần đất giáp ranh với các thửa 571, 593, 592, 591 (vị trí số 1 và 1 phần số 2 trên Bảng ghi chú phân loại diện tích) của Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Đo đạc - Thiết kế xây dựng - Dịch vụ bất động sản H lập ngày 18/11/2017 là chưa chính xác. Vì phần vị trí số 1 có diện tích là 2000m², 568 m² còn lại thuộc vị trí nào trong phần số 2 trên Bảng ghi chú phân loại diện tích Tòa án cấp sơ thẩm không xác định. Trên phần đất tranh chấp có mộ đất và mộ xi măng với diện tích là 202,5m² Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ phần mộ này là của ai, không trừ phần mộ và khuôn viên mộ mà chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông H là chưa chính xác.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn xác định: Phía nguyên đơn chỉ yêu cầu được chia 2.000m² đất tại vị trí số 1 trên Bảng ghi chú phân loại diện tích của Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH đo đạc - thiết kế xây dựng - dịch vụ bất động sản H lập ngày 18/11/2017, đồng thời xác định khu mộ đất và mộ xi măng với diện tích là 202,5m² là mộ của gia tộc, ông không tranh chấp phần mộ này. Bị đơn xác định phần mộ trên là của gia tộc ông H. Việc thay đổi yêu cầu của ông Trần Minh H là trong phạm vi yêu cầu khởi kiện và có lợi cho phía bị đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Bà Võ Thị M được quyền sử dụng phần đất 3.398,3m² tại vị trí số 2 trên Bảng ghi chú phân loại diện tích của Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH đo đạc - thiết kế xây dựng - dịch vụ bất động sản H lập ngày 18/11/2017, giao cho ông Trần Văn M là đại diện các thừa kế của bà Võ Thị M quản lý và sử dụng. Tách tranh chấp về thừa kế của bà Võ Thị M giải quyết bằng vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn M, bà Trần Thị B. Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn M, bà Trần Thị B.

Sửa một phần bản án sơ thẩm:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh H đối với ông Trần Văn M về việc tranh chấp tài sản chung là quyền sử dụng đất trong hộ gia đình.

Ông Trần Văn M có trách nhiệm giao cho ông Trần Minh H phần đất có diện tích 2.000m² thuộc thửa số 578, 580, 579 (Thửa phân chiết 578-1, 579-1, 580-1) tờ bản đồ số 4, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu 02/CT-UB).

Vị trí khu đất được thể hiện là phần đất có vị trí số 1 của Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Đo đạc - Thiết kế xây dựng - Dịch vụ bất động sản H lập ngày 18/11/2017.

Ông Trần Minh H được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất nêu trên.

Giao cho ông Trần Văn M là đại diện các thừa kế của bà Võ Thị M quản lý và sử dụng phần đất có diện tích 3.398,3m² tại vị trí số 2 trên Bảng ghi chú phân loại diện tích của Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH đo đạc - thiết kế xây dựng - dịch vụ bất động sản H lập ngày 18/11/2017.

[2] Tách các tranh chấp về thừa kế của bà Võ Thị M giải quyết bằng vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Trần Văn M là người cao tuổi nên ông Trần Văn M được miễn án phí.

Ông Trần Minh H phải chịu án phí là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nhưng được căn trừ vào số tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là đã nộp là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm thu số AA/2016/0020641 ngày 15/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Ông Trần Minh H phải nộp bổ sung 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn M có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Trần Minh H là 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND H.B;
- Chi cục THADS H.B;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HS, VP (T/26).

Trần Thị Kim Quy